

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TP. BUÔN MA THUẬT
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 75/2018/HNGĐ-ST

Ngày 15-6-2018

V/v: “Tranh chấp hôn nhân và
gia đình”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. BUÔN MA THUẬT, TỈNH ĐẮK LẮK

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Vĩ.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Phúc Tiếng và bà Nguyễn Thị Bận.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Lê Nguyệt Ánh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột: Bà Vũ Thị PHThảo; chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 15/6/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 50/2018/HNGĐ ngày 19 tháng 01 năm 2018 về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 74/2018/QĐXX-ST ngày 28 tháng 5 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 63/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 6 năm 2018 giữa các đương sự:

***Nguyên đơn:** Bà Dương Thị H – 1977(Có mặt)

*** Bị đơn:** Ông Lưu Đình T – Sinh năm 1975 (Vắng mặt)

Cùng trú tại: 08 Lê, phường Thành Nhất, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn ly hôn, bản tự khai và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn Dương Thị H trình bày:

-Về quan hệ hôn nhân: Bà Dương Thị H và ông Lưu Đình T tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 16/6/2002.

Tron quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, ông T ghen tuông thái quá, có nhiều lần xúc phạm đến tôi. Tình trạng này đã lặp lại nhiều lần mặc dù tôi và ông T cùng hai bên gia đình đã đưa ra giải quyết nhưng

vẫn không thay đổi, hiện nay vẫn ở cùng nhà nhưng tình cảm vợ chồng từ lâu đã không còn vì các con nên không gây gổ chứ vợ chồng từ lâu không có nói chuyện, quan tâm chăm sóc gì đến nhau. Bà H xác định tình cảm vợ chồng đã hết và không còn yêu thương chồng nữa. Nay vẫn đề nghị Tòa án giải quyết cho được ly hôn với ông T.

- Về con chung: Bà Dương Thị H xác định vợ chồng có 02 con chung:

1. Cháu Lưu Đình Đức H – sinh ngày 16/02/2003.

2. Cháu Lưu Gia H – Sinh ngày 15/8/2007.

Khi ly hôn bà H có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Lưu Gia H đến khi trưởng thành và giao cháu Lưu Đình Đức H – sinh ngày 16/02/2003 cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Vì điều kiện làm nghề giáo viên cấp 1 lương thu nhập hàng tháng khoảng 7.000.000 đồng và sau khi ly hôn phải ra thuê nhà nên chỉ đủ nuôi 01 cháu, còn ông Lưu Đình T hiện là công chức nên thu nhập cao khoảng 15.000.000 đồng nên đủ khả năng nuôi cháu Lưu Đình Đức H.

-Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Dương Thị H không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà Dương Thị H xác định vợ chồng tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với ông Lưu Đình T: Tòa án đã tiến hành thông báo, triệu tập hợp lệ nhưng bà PH không lên Tòa án làm việc nên không lấy được lời khai.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột phát biểu về việc giải quyết vụ án: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và hội đồng xét xử đã chấp hành đúng theo quy định của pháp luật về nguyên đơn đã chấp hành tốt tuy nhiên đối với bị đơn chưa chấp hành tốt. Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Dương Thị H và đề nghị giao cháu Lưu Gia H – sinh ngày 15/8/2007 cho bà Dương Thị H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu đến khi cháu đủ tuổi thành niên và giao cháu Lưu Đình Đức H – sinh ngày 16/02/2003 cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (18 tuổi).

Tại phiên tòa hôm nay bà Dương Thị H vẫn giữ nguyên ý kiến xin ly hôn với ông Lưu Đình T và yêu cầu nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Sau khi kết hôn, bà H và ông T sinh sống tại số nhà 08 L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; Qua xác minh tại địa phương cung cấp: Ông Lưu Đình T có đăng ký hộ khẩu thường trú và sinh sống tại 08 L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; do đó thẩm quyền giải quyết ly hôn là thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, mặc dù Tòa án đã tổng đạt

hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng ông T vẫn vắng mặt không có lý do, không có ý kiến trình bày về các nội dung yêu cầu khởi kiện của bà H; không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được và đã phải hoãn phiên tòa lần đầu vào ngày 11 tháng 6 năm 2018. Tại phiên tòa hôm nay, ông T vẫn vắng mặt là thuộc trường hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, do đó Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông Lưu Đình T theo quy định.

[2] Hôn nhân giữa bà H và ông T là hợp pháp; trong thời gian chung sống, có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng về quan điểm sống, không tin tưởng đến nhau nên sinh nghi ngờ dẫn đến cãi vã, hai bên đã hòa giải, hàn gắn nhưng không thành, tiếp tục mâu thuẫn, từ lâu cuộc sống vợ chồng không còn ai quan tâm chăm sóc đến nhau. Như vậy, giữa ông T và bà H không còn tình nghĩa vợ chồng theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình; từ đó vợ chồng bà H, ông T là đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, đây là căn cứ cho ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Ông Lưu Đình T và bà Dương Thị H có 02 con chung là cháu Lưu Gia H – Sinh ngày 15/8/2007 và cháu Lưu Đình Đức H – sinh ngày 16/02/2003.

Xét nguyện vọng cháu Lưu Gia H và cháu Lưu Đình Đức H khi bố mẹ ly hôn là muốn được ở với bà H đến tuổi thành niên vì hai bố mẹ sống chung có mâu thuẫn. Tuy nhiên xét nguyện vọng của bà H là muốn được nuôi dưỡng chăm sóc cháu Lưu Gia H – Sinh ngày 15/8/2007 đến khi trưởng thành và giao cháu Lưu Đình Đức H – sinh ngày 16/02/2003 cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành vì điều kiện thời gian và thu nhập có hạn không đủ điều kiện một lúc nuôi 02 cháu. Xét đây là nguyện vọng chính đáng của bà H, phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh nên Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận nên cần giao cháu Lưu Gia H – Sinh ngày 15/8/2007 cho bà Dương Thị H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu đến tuổi thành niên và giao cháu Lưu Đình Đức H – sinh ngày 16/02/2003 cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Bà H không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con nên Tòa không giải quyết.

[4]. Về tài sản chung, nợ chung: Bà Dương Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập tới.

[5]. Về án phí: Bà H là người yêu cầu ly hôn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ Luật Tố tụng Dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH12 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 146; Điều 147, điểm a khoản 1 Điều 203; điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 266, Điều 267, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng các Điều 8, Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình

- Áp dụng Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH12 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của bà Dương Thị H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Dương Thị H được ly hôn với ông Lưu Đình T.

2. Về con chung: Giao cháu Lưu Gia H – Sinh ngày 15/8/2007 cho bà Dương Thị H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu đến khi cháu đủ tuổi thành niên và giao cháu Lưu Đình Đức H – sinh ngày 16/02/2003 cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (18 tuổi).

Bà Dương Thị H và ông Lưu Đình T được quyền đi lại thăm nom và chăm sóc con chung không ai được ngăn cản.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Dương Thị H không yêu cầu ông Lưu Đình T cấp dưỡng nuôi con chung nên không đề cập tới.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Bà Dương Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập tới.

4. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Bà Dương Thị H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng mà bà H đã nộp tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm theo biên lai thu số 0003070 ngày 12/1/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự TP. Buôn Ma Thuột. Ông Lưu Đình T không phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- P.NV&THA TA tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND TP.BMT;
- CCTHADS TP.BMT;
- UBND phường T, TP.BMT;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Phạm Văn Vĩ

